

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 23/09    | 1 ngày | 1T    | 3T    | YTD    |
|-------------------|----------|--------|-------|-------|--------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,203.28 | (0.9)  | (6.2) | 1.5   | (19.7) |
| GTGD (tỷ đồng)    | 11,281   |        |       |       |        |
| VN30 (điểm, %)    | 1,215.41 | (1.1)  | (7.0) | (1.6) | (20.9) |

## Các chỉ số

|                          | 23/09       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD   |
|--------------------------|-------------|--------|--------|--------|-------|
| TPCP 1 năm (% , đcb)     | 3.47        | 0.2    | 0.7    | 1.6    | 3.0   |
| TPCP 3 năm (% , đcb)     | 3.65        | 0.2    | 0.7    | 1.4    | 3.0   |
| VND/USD (%)              | 23,702      | 0.0    | (1.1)  | (1.9)  | (3.7) |
| VND/JPY (%)              | 16,552      | 0.1    | 3.0    | 3.7    | 19.7  |
| VND/EUR (%)              | 22,920      | 0.5    | 2.2    | 7.4    | 12.9  |
| VND/CNY (%)              | 3,325       | 0.7    | 2.9    | 4.2    | 8.0   |
|                          | Phiên trước | 1 ngày | 1 tuần | 1T     | YTD   |
| TPKB Mỹ 10 năm (% , đcb) | 3.72        | 0.0    | 0.7    | 0.6    | 2.2   |
| WTI (USD/thùng, %)       | 78.95       | 0.3    | (15.2) | (26.6) | 5.0   |
| Vàng (USD/oz, %)         | 86.32       | 0.2    | (14.5) | (23.7) | 11.0  |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| MSN      | 41.4      | EIB      | (60.1)    |
| SAB      | 17.8      | VND      | (49.5)    |
| FUEVFNVD | 14.1      | NLG      | (48.7)    |
| PNJ      | 12.6      | HPG      | (33.1)    |
| NKG      | 9.7       | PLX      | (32.7)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| HPG      | 31.7      | VND      | (60.4)    |
| BSI      | 22.3      | MSN      | (55.6)    |
| VNM      | 17.3      | KDH      | (39.1)    |
| HDG      | 8.4       | STB      | (33.5)    |
| FUESSVFL | 6.1       | VCB      | (31.7)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng  | %   | Top 5 ngành giảm        | %      |
|-------------------|-----|-------------------------|--------|
| Bảo hiểm          | 5.7 | Dịch vụ viễn thông      | (31.1) |
| Hàng hóa cá nhân  | 0.9 | Dịch vụ thương mại      | (3.4)  |
| Tiện ích          | 0.5 | Truyền thông & giải trí | (2.5)  |
| Khác              | 0.4 | Tài chính khác          | (1.9)  |
| Dịch vụ tiêu dùng | 0.4 | Ô tô & phụ tùng         | (1.7)  |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Kiểm định lại ngưỡng 1,200 điểm

### Vĩ mô & Chiến lược

- Đồ thị trong ngày:** Xu hướng giảm tiếp tục

### Lịch sự kiện

## KIS ước tính lợi nhuận doanh nghiệp

|       | LNHĐ<br>(Tỷ đồng) | LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|-------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2018  | 191,785           | 119,519              | 29.7                | 15.2      | 2.7       | 13.6             | 17.7       |
| 2019  | 238,659           | 144,922              | 24.2                | 13.8      | 2.4       | 11.0             | 17.4       |
| 2020  | 270,014           | 151,973              | 43.1                | 12.3      | 2.0       | 10.9             | 16.2       |
| 2021F | 304,264           | 177,159              | 19.0                | 10.3      | 1.7       | 9.7              | 16.5       |

Lưu ý: Dữ liệu tính toán của KIS bao gồm 35 công ty, chiếm 58% lợi nhuận của tổng số doanh nghiệp niêm yết (VN Index) dựa trên mức thu nhập trung bình 3 năm qua

## KIS ước tính chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 2Q21   | 3Q21   | 4Q21   | 1Q22F  | 2020   | 2021   | 2022F  |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 6.6    | (6.0)  | 5.2    | 6.0    | 2.9    | 2.6    | 7.5    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | (3.8)  | (1.0)  | 5.4    | 1.5    | 19.9   | 4.0    | 6.0    |
| CPI (% n/n, TB)             | 2.7    | 2.5    | 1.9    | 2.5    | 3.2    | 1.8    | 3.5    |
| LS chiết khấu (% , cuối kỳ) | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    | 2.5    |
| VND/USD (tb)                | 23,043 | 22,878 | 22,787 | 22,900 | 23,252 | 22,936 | 23,200 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 6.6    | 2.0    | 6.9    | 1.1    | 5.7    | 5.7    | 1.6    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 7.9    | 4.9    | 2.9    | 4.3    | 8.1    | 8.1    | 3.4    |

Nguồn: KIS, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

Kiểm định lại ngưỡng 1,200 điểm

Hiếu Trần  
hie.u.tm@kisvn.vn

Thị trường chứng khoán tiếp tục điều chỉnh vào thứ Sáu tuần trước sau khi ngân hàng Nhà nước tăng lãi suất chiết khấu và tái cấp vốn 100 điểm cơ bản lên 3,50% và 5,0%.

Đóng cửa, VNIndex mất 0.94%, đóng cửa ở mức 1,203 điểm. Trong khi đó, khối lượng giao dịch là 460 triệu cổ phiếu / 11,281 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 328 tỷ đồng trên HSX. Họ bán ra nhiều nhất VND, MSN và KDH, với giá trị ròng lần lượt là 60 tỷ đồng, 55 tỷ đồng và 39 tỷ đồng.

Ngân hàng có diễn biến xấu với tâm điểm là BID (-1.14%), CTG (-1.57%), HDB (-1.62%), MBB (-1.18%), STB (-2.20%), TCB (-1.01%), VCB (-2.69%) và VPB (-1.88%).

Một số cổ phiếu thành phần của VN30Index giảm hơn 1% như SSI (-2.13%), VJC (-1.91%), POW (-1.83%), PDR (-1.55%), HPG (-1.30%), MSN (-1.27%), VIC (-1.11%) và MWG (-1.00%).

Ngược lại, dòng tiền chảy vào Năng lượng, cụ thể là BSR (+2.70%), GAS (+1.35%), OIL (+9.95%) và PVC (+1.46%).

Trong ngắn hạn, xu hướng giảm của VNIndex vẫn còn nguyên do VNIndex đóng cửa dưới đường trung bình động quan trọng. Do đó, nhà đầu tư cần giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục về ngưỡng an toàn và chờ tín hiệu tiếp theo.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Đồ thị trong ngày

**Xu hướng giảm tiếp tục**

Hiếu Trần  
Hieu.tm@kisvn.vn

#### ► Diễn biến thị trường

Áp lực bán quanh vùng 1,280 điểm vẫn ở mức cao và đưa chỉ số VNIndex kiểm định lại vùng 1,200 điểm. Đáng chú ý, đà giảm vẫn chưa có dấu hiệu suy yếu.

#### ► Đồ thị: Đà giảm có khuynh hướng kéo dài

Áp lực bán vẫn ở mức cao quanh vùng 1,280 điểm và vùng 1,250 điểm đã bị phá vỡ, giai đoạn phục hồi đã hoàn toàn kết thúc.

Xu hướng giảm sẽ tiếp tục, xác nhận bởi hệ thống các đường MAs. Ngoài ra, đà giảm vẫn duy trì ở mức cao khi các mẫu nền giảm được hình thành liên tiếp nhau.

Chỉ số VNIndex đóng cửa dưới các đường MAs chủ đạo và lực cầu vẫn chưa có dấu hiệu quay trở lại quanh vùng 1,200 điểm. Do vậy, khả năng cao chỉ số sẽ kiểm định lại vùng 1,150 điểm.

#### ► Chiến lược đầu tư: Giảm vị thế và đứng ngoài quan sát

Giai đoạn phục hồi đã kết thúc khi vùng 1,250 điểm bị phá vỡ. Ngoài ra, chỉ số VNIndex đang có khuynh hướng kiểm định lại vùng 1,150 điểm. Do vậy, nhà đầu tư nên giảm tỷ trọng trên nhóm cổ phiếu dẫn dắt, đứng ngoài quan sát cho tới khi vùng đáy được xác nhận.

## Lịch sự kiện

### ► Niêm yết mới

(Tỷ đồng, cổ phiếu, đồng)

| Ngày đầu giá | Mã       | Công ty                             | Sàn giao dịch | Giá trị niêm yết | SLCP niêm yết | Giá tham chiếu |
|--------------|----------|-------------------------------------|---------------|------------------|---------------|----------------|
| 29/09/2022   | FUEDCMID | Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP               | HSX           | 60.0             | 6,000,000     | 0              |
| 26/09/2022   | FUCTVGF4 | Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 | HSX           | 200.6            | 20,060,000    | 10,100         |

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                    | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị (tỷ đồng) |
|------------|----------------|-----|-------|-------------------------------------|-----------------|-------------------|
| 26/09/2022 | 05/10/2022     | AGX | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 26/09/2022 | 05/10/2022     | BGT | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,100/cp) | 11.00%          | 1,100             |
| 26/09/2022 |                | CDC | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 26/09/2022 | 14/10/2022     | DNC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 26/09/2022 | 13/10/2022     | HTC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300/cp)   | 3.00%           | 300               |
| 26/09/2022 |                | ILA | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 26/09/2022 | 20/10/2022     | TRT | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 26/09/2022 |                | VTZ | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 27/09/2022 | 14/10/2022     | DQC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500               |
| 27/09/2022 | 27/09/2022     | DTD | HNX   | Cổ tức cổ phiếu                     | 18.00%          |                   |
| 27/09/2022 | 27/09/2022     | DTD | HNX   | Quyền mua                           | 20.00%          |                   |
| 27/09/2022 | 27/09/2022     | HDB | HOSE  | Cổ tức cổ phiếu                     | 25.00%          |                   |
| 27/09/2022 | 20/10/2022     | KST | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (616/cp)   | 6.16%           | 616               |
| 27/09/2022 |                | PGD | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 27/09/2022 | 10/10/2022     | QHW | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200/cp) | 12.00%          | 1,200             |
| 27/09/2022 |                | TAG | UPCOM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |                   |
| 27/09/2022 |                | TDM | HOSE  | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 27/09/2022 | 14/10/2022     | VET | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,662/cp) | 26.62%          | 2,662             |
| 27/09/2022 | 19/10/2022     | VGC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 28/09/2022 | 10/10/2022     | DWS | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (570/cp)   | 5.70%           | 570               |
| 28/09/2022 | 17/10/2022     | HTL | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 28/09/2022 | 28/09/2022     | VPB | HOSE  | Cổ phiếu thưởng                     | 50.00%          |                   |
| 28/09/2022 | 18/10/2022     | VSC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 29/09/2022 | 20/10/2022     | CNG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00%          | 1,000             |
| 29/09/2022 | 31/10/2022     | DSD | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |                   |
| 29/09/2022 | 20/10/2022     | HCT | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (150/cp)   | 1.50%           | 150               |

|            |            |     |       |                                     |        |       |
|------------|------------|-----|-------|-------------------------------------|--------|-------|
| 29/09/2022 | 31/10/2022 | ICN | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (4,500/cp) | 45.00% | 4,500 |
| 29/09/2022 | 20/10/2022 | LAI | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,800/cp) | 18.00% | 1,800 |
| 29/09/2022 | 31/10/2022 | LGC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (400/cp)   | 4.00%  | 400   |
| 29/09/2022 | 12/10/2022 | WTC | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/09/2022 | 30/09/2022 | ITC | HOSE  | Cổ tức cổ phiếu                     | 10.00% |       |
| 30/09/2022 | 14/10/2022 | KHW | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/09/2022 | 30/09/2022 | KHW | UPCOM | Cổ phiếu thưởng                     | 10.00% |       |
| 30/09/2022 | 26/10/2022 | SPC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 30/09/2022 | 21/10/2022 | SZE | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%  | 800   |
| 30/09/2022 | 17/10/2022 | TKA | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200/cp) | 12.00% | 1,200 |
| 30/09/2022 |            | VTQ | UPCOM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |        |       |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bổ miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.